



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017**



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thông tin về Công ty

Các văn bản thành lập Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) về việc chuyển đổi Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam sang hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

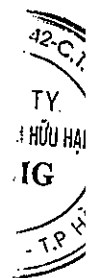
Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101447725 cấp lần đầu ngày 14 tháng 1 năm 2004 và thay đổi lần thứ 16 ngày 6 tháng 7 năm 2017.

Hội đồng Quản trị	Ông Trịnh Quang Vinh	Chủ tịch
	Ông Vũ Hồng Khánh	Ủy viên
	Ông Nguyễn Quang Dũng	Ủy viên
	Ông Phan Phương Anh	Ủy viên (từ ngày 12/4/2017)
	Ông Trần Vũ Nam	Ủy viên (từ ngày 12/4/2017)
	Ông Nguyễn Văn Lăng	Ủy viên (đến ngày 12/4/2017)
Bà Nguyễn Thanh Huyền	Ủy viên (đến ngày 12/4/2017)	

Ban Tổng Giám đốc	Ông Vũ Hồng Khánh	Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Khắc Trí	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Hữu Quang	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký Tầng 20, Tòa nhà Mipecc Tower
Số 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



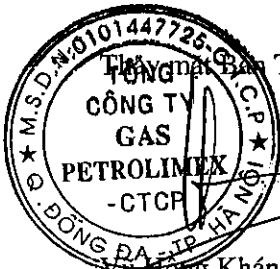
Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Tổng Giám đốc
Vũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 13 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 38.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.465.207.737.714	1.124.907.417.188
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	62.301.137.474	53.195.103.069
Tiền	111		62.301.137.474	53.195.103.069
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		953.610.000.000	702.610.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121	5(a)	2.610.000.000	2.610.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(b)	951.000.000.000	700.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		324.792.411.166	291.912.219.496
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	206.490.977.508	180.189.657.120
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.192.449.186	6.335.980.955
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	116.331.994.172	105.623.142.353
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(223.009.700)	(236.560.932)
Hàng tồn kho	140	9	102.440.582.416	65.308.785.278
Hàng tồn kho	141		105.452.053.769	67.411.685.577
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.011.471.353)	(2.102.900.299)
Tài sản ngắn hạn khác	150		22.063.606.658	11.881.309.345
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		315.660.591	95.462.038
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		19.303.392.466	10.347.616.744
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		2.444.553.601	1.438.230.563

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		617.101.366.763	618.080.812.560
Tài sản cố định	220		292.923.590.670	290.641.069.786
Tài sản cố định hữu hình	221	10	283.547.951.714	280.919.090.831
Nguyên giá	222		522.999.084.361	482.872.992.960
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(239.451.132.647)	(201.953.902.129)
Tài sản cố định vô hình	227	11	9.375.638.956	9.721.978.955
Nguyên giá	228		21.095.219.106	21.095.219.106
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.719.580.150)	(11.373.240.151)
Bất động sản đầu tư	230	12	7.373.884.541	7.556.477.873
Nguyên giá	231		9.043.165.265	9.043.165.265
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.669.280.724)	(1.486.687.392)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.499.998.182	5.453.725.610
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	1.499.998.182	5.453.725.610
Đầu tư tài chính dài hạn	250		186.487.708.826	186.487.708.826
Đầu tư vào công ty con	251	5(c)	186.487.708.826	186.487.708.826
Tài sản dài hạn khác	260		128.816.184.544	127.941.830.465
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	128.213.890.273	127.521.250.405
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		602.294.271	420.580.060
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.082.309.104.477	1.742.988.229.748

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.308.592.289.694	1.027.606.382.406
Nợ ngắn hạn	310		1.283.845.233.777	1.002.238.464.400
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	191.617.465.275	139.792.564.049
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		408.418.138	1.147.770.716
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	7.730.654.556	4.823.875.221
Phải trả người lao động	314		27.208.671.562	25.459.007.367
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.184.407.741	299.843.145
Phải trả ngắn hạn khác	319	17(a)	6.655.480.675	9.322.127.619
Vay ngắn hạn	320	18	1.040.583.668.444	809.228.614.360
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		6.496.113.588	10.621.548.128
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	1.960.353.798	1.543.113.795
Nợ dài hạn	330		24.747.055.917	25.367.918.006
Phải trả dài hạn khác	337	17(b)	24.747.055.917	25.367.918.006
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		773.716.814.783	715.381.847.342
Vốn chủ sở hữu	410	20	773.716.814.783	715.381.847.342
Vốn cổ phần	411	21	603.426.380.000	603.426.380.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		603.426.380.000	603.426.380.000
Cổ phiếu quỹ	415	21	(49.700.000)	(49.700.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	29.096.229.722	17.297.458.956
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		141.243.905.061	94.707.708.386
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		-	1.222.333.789
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		141.243.905.061	93.485.374.597
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.082.309.104.477	1.742.988.229.748

Ngày 13 tháng 3 năm 2018

Người lập:

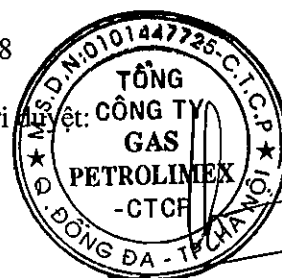


Phan Quang Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đỗ Thị Vân Chi
Kế toán trưởng



Vũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****Mẫu B 02 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

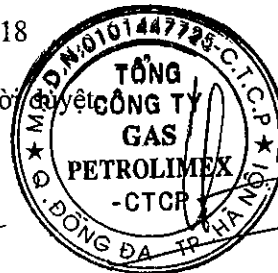
	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	2.278.264.251.231	1.784.163.277.573
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	2.010.023.880	1.176.821.386
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	25	2.276.254.227.351	1.782.986.456.187
Giá vốn hàng bán	11	26	2.139.254.112.741	1.651.260.994.869
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		137.000.114.610	131.725.461.318
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	147.862.395.443	120.228.760.684
Chi phí tài chính	22	28	48.904.304.542	46.343.482.553
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		46.138.820.752	45.504.661.550
Chi phí bán hàng	25	29	47.292.495.148	64.539.571.330
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	43.208.104.758	45.750.446.872
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		145.457.605.605	95.320.721.247
Thu nhập khác	31		9.538.506.556	5.090.266.627
Chi phí khác	32		680.348.991	726.062.772
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		8.858.157.565	4.364.203.855
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		154.315.763.170	99.684.925.102
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	13.253.572.320	6.197.908.032
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	(181.714.211)	1.642.473
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		141.243.905.061	93.485.374.597

Ngày 13 tháng 3 năm 2018

Người lập:


Phan Quang Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


Đỗ Thị Vân Chi
Kế toán trưởngVũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	154.315.763.170	99.684.925.102
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	44.857.828.984	44.123.659.457
Các khoản dự phòng (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	03	(3.230.414.718)	(474.725.322)
Lãi từ hoạt động đầu tư	04	(80.876.412)	100.195.137
Chi phí lãi vay	05	(143.865.385.800)	(116.952.877.216)
	06	46.138.820.752	45.504.661.550
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	98.135.735.976	71.985.838.708
Biến động các khoản phải thu	09	(39.055.689.791)	1.301.738.262
Biến động hàng tồn kho	10	(38.040.368.192)	23.560.211.137
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	45.372.692.513	7.913.527.815
Biến động chi phí trả trước	12	(1.525.308.353)	(7.236.014.382)
		64.887.062.153	97.525.301.540
Tiền lãi vay đã trả	14	(46.016.183.752)	(44.735.445.763)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.278.996.292)	(6.208.427.497)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(10.084.555.617)	(3.463.595.127)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(492.673.508)	43.117.833.153

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(38.115.120.775)	(45.042.425.263)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	288.324.735	1.232.731.644
Tiền gửi có kỳ hạn	23	(970.000.000.000)	(323.000.000.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn	24	719.000.000.000	430.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	139.473.837.069	79.651.860.647
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(149.352.958.971)	142.842.167.028
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	2.030.285.249.052	1.758.672.486.739
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.798.930.194.968)	(1.873.605.932.760)
Tiền trả cổ tức	36	(72.403.387.200)	(60.337.421.640)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	158.951.666.884	(175.270.867.661)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	9.106.034.405	10.689.132.520
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	53.195.103.069	42.506.043.552
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(73.003)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	62.301.137.474	53.195.103.069

Ngày 13 tháng 3 năm 2018

Người lập:


Phan Quang Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


Đỗ Thị Vân Chi
Kế toán trưởngVũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) tiền thân là Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó được chuyển sang hình thức Công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần là ngày 1 tháng 1 năm 2004 theo Quyết định phê duyệt số 5786 TC/TCĐN ngày 21 tháng 5 năm 2004 của Bộ Tài chính. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101447725, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 22 tháng 2 năm 2016 với số vốn điều lệ là 603.426.380.000 VND.

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 65/UBCK-GPNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 24 tháng 11 năm 2006, cổ phiếu của Tổng Công ty chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PGC.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, nắm giữ 52,37% vốn điều lệ.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm xuất nhập khẩu và kinh doanh gas hóa lỏng; kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện; tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh gas theo quy định của pháp luật; dịch vụ thương mại; kinh doanh địa ốc và bất động sản; nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai (vỏ bình gas); và kiểm định, bảo dưỡng các loại vỏ bình gas.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty có 6 công ty con (1/1/2017: 6 công ty con) được liệt kê trong thuyết minh số 5(c).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty có 310 nhân viên (1/1/2017: 304 nhân viên).

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tổng Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) hoặc bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

51001
CỘ
ÁCH NH
KP
77 LIỆ

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 30 năm
▪ Máy móc, thiết bị	6 – 10 năm
▪ Phương tiện vận chuyển	8 – 10 năm
▪ Dụng cụ quản lý	3 – 6 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất phản ánh quyền sử dụng đất cho các lô đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm. Không tính khấu hao cho các lô đất mà Tổng Công ty có quyền sử dụng đất vô thời hạn.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 4 đến 10 năm.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Quyền sử dụng đất 48 năm
- Nhà cửa, vật kiến trúc 48 năm

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) *Vỏ bình gas*

Tổng Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính và Công văn hướng dẫn số 7640/CV-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2005 và số 7776/BTC-TCT ngày 2 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ tài chính và thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai” trong việc ghi nhận và phân bổ giá trị vỏ bình gas và các khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas được nhận. Theo đó, vỏ bình gas được ghi nhận theo giá gốc ban đầu và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(ii) *Chi phí đất trả trước*

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 488 tháng.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm chi phí đền bù đất phát sinh liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê cho các hoạt động sản xuất và gia công. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng thuê đất là 45 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá mua trừ chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình gas

Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình gas được phân bổ từ số tiền ký cược, ký quỹ giá trị vô bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vô bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(v) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty con của Tổng Công ty, công ty mẹ (Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam), và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền mặt	1.248.367.056	65.169.153
Tiền gửi ngân hàng	61.052.770.418	53.129.933.916
	62.301.137.474	53.195.103.069

31
CÔ
CH N
K
12/1

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***5. Các khoản đầu tư tài chính****(a) Chứng khoán kinh doanh**

	Số lượng	31/12/2017 và 1/1/2017		Dự phòng giảm giá VND
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	
Cổ phiếu				
Tổng Công ty Dệt may Hà Nội	100.000	2.610.000.000	(*)	-

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	951.000.000.000	977.347.180.555

	1/1/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	700.000.000.000	735.578.533.334

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCF
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

		31/12/2017 và 1/1/2017			
	Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào công ty con:					
• Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	70.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	Đà Nẵng	100%	40.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	Hải Phòng	100%	30.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	Hà Nội	100%	20.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	Cần Thơ	100%	15.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	Thành phố Hồ Chí Minh	51%	11.487.708.826	-	(*)
			186.487.708.826	-	

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	60.152.440.526	58.823.024.354
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	8.533.237.907	4.987.856.918
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	36.111.971.782	39.062.166.131
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	10.220.624.814	5.111.469.980
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	30.798.661.531	27.812.889.956
Các khách hàng khác	60.674.040.948	44.392.249.781
	<hr/> 206.490.977.508	<hr/> 180.189.657.120

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Các công ty con		
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	60.152.440.526	58.823.024.354
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	8.533.237.907	4.987.856.918
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	36.111.971.782	39.062.166.131
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	10.220.624.814	5.111.469.980
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	30.798.661.531	27.812.889.956
Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	19.941.244.550	16.154.697.904
	<hr/> 165.758.181.110	<hr/> 151.952.105.243

Khoản phải thu thương mại từ các công ty con và các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải thu là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Lãi tiền gửi	26.347.180.555	35.578.533.334
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	81.072.593.870	66.786.496.588
Phải thu người lao động	679.580.186	629.801.204
Phải thu ngắn hạn khác	8.232.639.561	2.628.311.227
	<hr/> 116.331.994.172	<hr/> 105.623.142.353

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTPC**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	31/12/2017		1/1/2017					
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ phần Cửa số nhựa Châu Âu	Trên 3 năm	223.009.700	(223.009.700)	-	Từ 2 đến 3 năm Từ 6 tháng đến 3 năm	223.009.700	(156.106.790)	66.902.910
Khác		-	-	-		253.345.959	(80.454.142)	172.891.817
		<u>223.009.700</u>	<u>(223.009.700)</u>	<u>-</u>		<u>476.355.659</u>	<u>(236.560.932)</u>	<u>239.794.727</u>

Trong đó:Dự phòng phải thu khó đòi
– ngắn hạn(223.009.700)(236.560.932)

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Hàng tồn kho**

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	30.223.487.719	-	19.646.973.898	-
Nguyên vật liệu	17.150.302.402	(3.011.471.353)	16.626.896.865	(2.102.900.299)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	104.089.664	-	713.299.119	-
Hàng hóa	57.974.173.984	-	30.424.515.695	-
	105.452.053.769	(3.011.471.353)	67.411.685.577	(2.102.900.299)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 4.302 triệu VND nguyên vật liệu (1/1/2017: 3.004 triệu VND nguyên vật liệu) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	266.712.693.365	172.942.006.546	36.709.174.165	6.509.118.884	482.872.992.960
Tăng trong năm	9.500.000.000	543.593.900	8.226.834.545	-	18.270.428.445
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 13)	12.807.853.395	16.218.525.271	-	-	29.026.378.666
Thanh lý	(4.312.499.830)	(736.000.426)	(2.122.215.454)	-	(7.170.715.710)
Số dư cuối năm	284.708.046.930	188.968.125.291	42.813.793.256	6.509.118.884	522.999.084.361
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	106.309.986.682	72.911.082.513	16.995.174.552	5.737.658.382	201.953.902.129
Khấu hao trong năm	7.969.443.937	31.220.220.412	3.643.492.450	883.268.922	43.716.425.721
Thanh lý	(4.312.499.830)	(736.000.426)	(1.170.694.947)	-	(6.219.195.203)
Phân loại lại	-	417.511.958	-	(417.511.958)	-
Số dư cuối năm	109.966.930.789	103.812.814.457	19.467.972.055	6.203.415.346	239.451.132.647
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	160.402.706.683	100.030.924.033	19.713.999.613	771.460.502	280.919.090.831
Số dư cuối năm	174.741.116.141	85.155.310.834	23.345.821.201	305.703.538	283.547.951.714

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 62.007 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 42.006 triệu VND).

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	10.576.243.470	10.518.975.636	21.095.219.106
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.047.459.942	9.325.780.209	11.373.240.151
Khấu hao trong năm	113.940.000	232.399.999	346.339.999
Số dư cuối năm	2.161.399.942	9.558.180.208	11.719.580.150
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	8.528.783.528	1.193.195.427	9.721.978.955
Số dư cuối năm	8.414.843.528	960.795.428	9.375.638.956

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Bất động sản đầu tư****Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	6.957.405.470	2.085.759.795	9.043.165.265
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.089.930.001	396.757.391	1.486.687.392
Khấu hao trong năm	139.140.000	43.453.332	182.593.332
Số dư cuối năm	1.229.070.001	440.210.723	1.669.280.724
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	5.867.475.469	1.689.002.404	7.556.477.873
Số dư cuối năm	5.728.335.469	1.645.549.072	7.373.884.541

Bất động sản đầu tư bao gồm một phần giá trị quyền sử dụng đất có thời gian khấu hao là 50 năm và giá trị xây lắp đã hoàn thành của cao ốc văn phòng tại địa chỉ 322 Điện Biên Phủ, Thành phố Hồ Chí Minh có thời gian khấu hao trong 48 năm tương ứng với diện tích Tổng Công ty đang cho thuê hoặc nắm giữ để cho thuê.

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tổng Công ty và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	5.453.725.610	19.617.319.537
Tăng trong năm	25.072.651.238	46.182.537.419
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 10)	(29.026.378.666)	(56.757.935.346)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 11)	-	(3.588.196.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.499.998.182	5.453.725.610

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Nhà máy LPG Sài Gòn	1.355.620.000	-
Hệ thống nạp gas bình chi nhánh Phú Thọ	-	5.070.999.000
Công trình văn phòng Cần Thơ	144.378.182	144.378.182
Công trình văn phòng LPG Hà Nội	-	238.348.428
	<hr/>	<hr/>
	1.499.998.182	5.453.725.610

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Vỏ bình gas VND	Chi phí đất trả trước VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	93.793.514.876	18.933.725.257	14.794.010.272	127.521.250.405
Tăng trong năm	16.982.326.454	-	1.016.118.780	17.998.445.234
Phân bổ trong năm	(15.295.010.092)	(612.469.932)	(1.203.913.149)	(17.111.393.173)
Giảm khác	(194.412.193)	-	-	(194.412.193)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	95.286.419.045	18.321.255.325	14.606.215.903	128.213.890.273

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí Công ty TNHH EI Corporation PTT International Trading PTE Ltd SK Gas Co., Ltd Các nhà cung cấp khác	31.021.161.135 51.551.157.800 57.798.169.926 38.536.825.340 12.710.151.074	21.281.227.243 38.860.881.275 33.428.547.027 27.215.846.715 19.006.061.789
	191.617.465.275	139.792.564.049

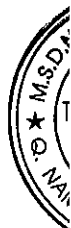
(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty con Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	3.372.063.552	5.727.957.268

Khoản phải trả người bán cho công ty con không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã bù trừ/nộp trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.418.138.961	521.382.121.452	(522.740.855.200)	59.405.213
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	151.661.273.563	(151.661.273.563)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.405.736.260	13.253.572.320	(9.278.996.292)	7.380.312.288
Thuế nhập khẩu	-	72.817.124.861	(72.526.187.806)	290.937.055
Thuế thu nhập cá nhân	-	4.049.347.946	(4.049.347.946)	-
Thuế khác	-	54.367.902	(54.367.902)	-
	4.823.875.221	763.217.808.044	(760.311.028.709)	7.730.654.556



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***17. Phải trả khác****(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Kinh phí công đoàn và bảo hiểm	664.168.243	625.390.277
Cổ tức phải trả	290.919.620	287.164.820
Chi phí thuê dùng chung kho bãi	318.647.560	5.996.686.954
Lãi vay	-	769.215.787
Phải trả ngắn hạn khác	5.381.745.252	1.643.669.781
	<hr/>	<hr/>
	6.655.480.675	9.322.127.619

(b) Phải trả dài hạn khác

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

18. Vay ngắn hạn

	1/1/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	809.228.614.360	2.030.285.249.052	(1.798.930.194.968)	1.040.583.668.444
	<hr/>			<hr/>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	VND	291.119.216.237	148.483.479.605
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (ii)	VND	185.497.464.580	261.945.043.934
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (iii)	VND	213.818.309.032	104.650.146.128
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (iv)	VND	295.716.578.405	151.810.551.520
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (v)	VND	54.432.100.190	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	-	85.382.360.042
Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	-	56.957.033.131
		<hr/>	<hr/>
		1.040.583.668.444	809.228.614.360

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa theo Hợp đồng tín dụng số 190/2017-HĐCVHM/NHCT126 ký ngày 23 tháng 11 năm 2017. Khoản vay này có thể giải ngân bằng Đồng Việt Nam (“VND”) hoặc Đô la Mỹ (“USD”). Mục đích sử dụng của khoản vay này là bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay áp dụng quy định trên từng giấy nhận nợ. Lãi thanh toán vào ngày 25 hàng tháng. Gốc trả được quy định trên từng giấy nhận nợ. Đây là khoản vay tín chấp.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng số KHPGC160108/HĐCTD.VCB, phụ lục số 0217/SĐCTD/PGC-VCB ký ngày 22 tháng 12 năm 2017. Khoản vay này có thể giải ngân bằng VND hoặc USD. Mục đích sử dụng của khoản vay này là bổ sung vốn lưu động, tài trợ thương mại và các mục đích khác không trái với quy định của pháp luật. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi trả vào ngày 25 hàng tháng, hời hạn cấp tín dụng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho tới hết ngày 20 tháng 3 năm 2018. Đây là khoản vay tín chấp.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Hội sở chính theo Hợp đồng số 108.0435/2017/HĐTDHM-DN/PGBankHN ký ngày 28 tháng 3 năm 2017. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Đây là khoản vay tín chấp.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng số VHN 150784 ký ngày 7 tháng 4 năm 2015 theo hình thức vay vô thời hạn. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Đây là khoản vay tín chấp.
- (v) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng số 130000641398 ký ngày 11 tháng 4 năm 2017. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Đây là khoản vay tín chấp.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	1.543.113.795	1.454.913.791
Trích lập trong năm (Thuyết minh 20)	10.501.795.620	9.800.000.000
Sử dụng trong năm	(10.084.555.617)	(9.711.799.996)
Số dư cuối năm	1.960.353.798	1.543.113.795

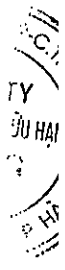
Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2016	603.426.380.000	(49.700.000)	2.011.722.897	26.308.069.848	631.696.472.745
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	93.485.374.597	93.485.374.597
Phân bổ vào các quỹ	-	-	15.285.736.059	(15.285.736.059)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	(9.800.000.000)	(9.800.000.000)
Số dư tại ngày 1/1/2017	603.426.380.000	(49.700.000)	17.297.458.956	94.707.708.386	715.381.847.342
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	141.243.905.061	141.243.905.061
Phân bổ vào các quỹ	-	-	11.798.770.766	(11.798.770.766)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	(10.501.795.620)	(10.501.795.620)
Cổ tức	-	-	-	(72.407.142.000)	(72.407.142.000)
Số dư tại ngày 31/12/2017	603.426.380.000	(49.700.000)	29.096.229.722	141.243.905.061	773.716.814.783



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017 và 1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	60.342.638	603.426.380.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	60.342.638	603.426.380.000
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	(3.353)	(49.700.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	60.339.285	603.392.850.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

23. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 12 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã phê duyệt việc phân phối khoản cổ tức 72.407 triệu VND (2016: 60.341 triệu VND). Khoản cổ tức này đã được tạm ứng cho các cổ đông của Tổng Công ty theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 008/PGC-NQ-HĐQT ngày 24 tháng 2 năm 2017.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Gas giữ hộ bên thứ ba	1.694.479.830	404.739.929

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	447,86	10.151.772	447,86	10.206.730
Euro (“EUR”)	185,39	5.025.932	190,85	4.530.206
		<u>15.177.704</u>		<u>14.736.936</u>

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2017 VND	2016 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	2.254.040.122.469	1.763.728.406.181
▪ Cung cấp dịch vụ	13.756.826.229	10.562.845.342
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	3.622.639.909	3.518.773.774
▪ Phân bổ tiền ký cược, ký quỹ vỏ bình gas	6.844.662.624	6.353.252.276
	<u>2.278.264.251.231</u>	<u>1.784.163.277.573</u>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(2.010.023.880)	(1.176.821.386)
Doanh thu thuần	<u>2.276.254.227.351</u>	<u>1.782.986.456.187</u>

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***26. Giá vốn hàng bán**

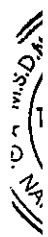
	2017 VND	2016 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Bán hàng	2.127.050.413.293	1.642.886.911.157
▪ Cung cấp dịch vụ	8.988.258.277	8.909.464.595
▪ Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	2.306.870.117	2.331.294.398
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	908.571.054	(2.866.675.281)
	<hr/> 2.139.254.112.741	<hr/> 1.651.260.994.869 <hr/>

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi	55.195.987.702	48.798.260.335
Lợi nhuận được chia	89.332.593.870	67.315.474.357
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.562.384.563	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	80.876.412	-
Lãi bán hàng trả chậm	690.552.896	4.115.025.992
	<hr/> 147.862.395.443	<hr/> 120.228.760.684 <hr/>

28. Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	46.138.820.752	45.504.661.550
Lãi mua hàng trả chậm	1.375.527.430	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.389.956.360	738.625.866
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	100.195.137
	<hr/> 48.904.304.542	<hr/> 46.343.482.553 <hr/>



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***29. Chi phí bán hàng**

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên	4.638.790.949	20.573.051.758
Chi phí khấu hao	527.106.170	-
Chi phí phân bổ vỏ bình gas	15.295.010.092	15.545.966.391
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.153.551.218	23.726.318.735
Chi phí bán hàng khác	7.678.036.719	4.694.234.446
	<hr/>	<hr/>
	47.292.495.148	64.539.571.330
	<hr/>	<hr/>

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên	25.731.180.842	27.707.660.018
Chi phí khấu hao	3.033.143.809	4.014.225.664
Dự phòng phải thu khó đòi	(13.551.232)	(1.329.598.169)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.307.127.777	14.209.411.947
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	150.203.562	1.148.747.412
	<hr/>	<hr/>
	43.208.104.758	45.750.446.872
	<hr/>	<hr/>

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	36.339.619.640	32.086.057.020
Chi phí nhân viên	70.869.171.204	69.309.645.964
Chi phí khấu hao	44.857.828.984	44.123.659.457
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.032.451.321	75.353.570.606
Chi phí khác	25.765.173.020	27.999.716.396
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***32. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	2017 VND	2016 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	13.253.572.320	6.588.173.048
Dự phòng thừa trong những năm trước	-	(390.265.016)
	<hr/> 13.253.572.320	<hr/> 6.197.908.032
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(181.714.211)	1.642.473
	<hr/> 13.071.858.109	<hr/> 6.199.550.505

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	154.315.763.170	99.684.925.102
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	30.863.152.634	19.936.985.020
Chi phí không được khấu trừ thuế	75.224.249	115.925.372
Thu nhập không bị tính thuế (*)	(17.866.518.774)	(13.463.094.871)
Dự phòng thừa trong những năm trước	-	(390.265.016)
	<hr/> 13.071.858.109	<hr/> 6.199.550.505

(*) Đây là các khoản thu nhập từ cổ tức thu được từ các khoản đầu tư vào chứng khoán kinh doanh và các công ty con.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của luật thuế Thu nhập hiện hành, từ năm 2016 Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
Công ty mẹ		
<i>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i>		
Lợi nhuận phân phối	37.925.158.800	-
Công ty con		
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội</i>		
Bán hàng hóa	236.289.432.264	186.216.723.661
Lợi nhuận được chia	20.947.788.397	18.921.646.486
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn</i>		
Bán hàng hóa	495.279.774.764	391.453.886.293
Lợi nhuận được chia	26.643.801.555	22.176.174.913
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng</i>		
Bán hàng hóa	407.733.421.802	300.631.456.053
Lợi nhuận được chia	17.644.233.492	10.712.099.271
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ</i>		
Bán hàng hóa	165.754.755.831	132.407.308.471
Lợi nhuận được chia	1.605.691.097	1.115.013.375
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng</i>		
Bán hàng hóa	423.834.176.505	333.782.852.832
Lợi nhuận được chia	14.231.079.329	11.014.086.650
<i>Công ty TNHH Cơ Khí Gas P.M.G</i>		
Mua hàng hóa	39.093.380.036	56.213.449.360
Lợi nhuận được chia	8.160.000.000	3.376.453.662
Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
Bán hàng hóa	250.087.024.357	196.078.259.725
Ban Tổng Giám đốc		
Lương và thưởng	3.211.352.482	2.841.003.413
Hội đồng Quản trị		
Lương và thưởng	1.679.849.889	2.140.929.466

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 13 tháng 3 năm 2018

Người lập:

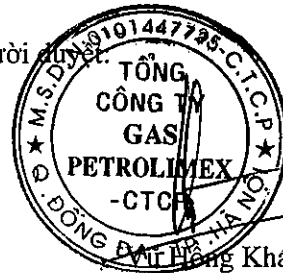


Phan Quang Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đỗ Thị Vân Chi
Kế toán trưởng



Đào Hồng Khánh
Tổng Giám đốc

